

CHƯƠNG 9 ĐẦU TƯ

Phần A: Đầu tư

Điều 9.1 : Phạm vi

1. Chương này áp dụng cho các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi một Bên ký kết liên quan đến:

- (a) nhà đầu tư của Bên ký kết kia;
- (b) khoản đầu tư được bảo hộ; và
- (c) liên quan đến Điều 9.9, tất cả các khoản đầu tư trên lãnh thổ của một Bên ký kết.¹

2. Để rõ ràng hơn, Chương này không ràng buộc bất kỳ Bên ký kết nào liên quan đến các hành vi hoặc sự kiện đã được thực hiện hoặc bất kỳ tình huống nào đã kết thúc trước khi Hiệp định này có hiệu lực

3. Chương này không áp dụng với:

- (a) các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi một Bên ký kết liên quan đến mua sắm Chính phủ;
- (b) trợ cấp hoặc hỗ trợ do một Bên ký kết thực hiện hoặc các điều kiện gắn với việc nhận hoặc tiếp tục nhận của các trợ cấp hoặc hỗ trợ đó, ngoại trừ quy định tại Điều 9.9, bất kể việc trợ cấp hoặc hỗ trợ này có được dành riêng cho nhà đầu tư trong nước hoặc khoản đầu tư trong nước hay không; hoặc
- (c) Các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi một Bên ký kết ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của Bên ký kết đó theo Chương 8 (Thương mại dịch vụ) bất kể lĩnh vực dịch vụ cụ thể² có được liệt kê tại Biểu cam kết cụ thể của các Bên ký kết tại Phụ lục 8-D (Biểu cam kết cụ thể) hay không.

4. Mặc dù có quy định tại điểm 3(c), các Điều từ 9.5 đến 9.8 và Điều 9.14, và Phần B³ sẽ áp dụng, với các sửa đổi thích hợp, với bất cứ biện pháp nào tác động đến việc cung cấp dịch vụ

¹ Để rõ ràng hơn, nhà đầu tư của một Bên không ký kết không được yêu cầu bất kỳ quyền nào quy định trong Chương này.

² Liên quan đến mối liên hệ giữa Chương 8 (Thương mại dịch vụ) và Chương này, các Bên ký kết khẳng định rằng các dịch vụ bao gồm bất kỳ dịch vụ nào trong bất cứ lĩnh vực nào, bao gồm nhưng không chỉ là các dịch vụ được phân loại trong các lĩnh vực, các ngành và hoạt động theo Phân loại Danh mục ngành Dịch vụ của WTO trong văn kiện số MTN.GNS/W/120, ngày 10 tháng 7 năm 1991.

³ Để rõ ràng hơn, các Phụ lục và ngoại lệ tại các Điều khoản nêu trên là một phần của khoản này.

của nhà cung cấp dịch vụ của một Bên ký kết thông qua hiện diện thương mại⁴ trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo quy định tại Chương 8 (Thương mại dịch vụ), nhưng chỉ trong phạm vi liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ.

Điều 9.2: Quan hệ với Chương 8 (Thương mại Dịch vụ)

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Chương này và Chương 8 (Thương mại dịch vụ), Chương 8 (Thương mại dịch vụ) sẽ được áp dụng trong phạm vi sự khác biệt đó.

Điều 9.3: Đối xử quốc gia

Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư đó sự đối xử không kém thuận lợi hơn, trong điều kiện tương tự, sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của nước mình và các khoản đầu tư của họ trên lãnh thổ của Bên ký kết đó liên quan đến thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác các khoản đầu tư trên lãnh thổ nước mình.

Điều 9.4: Đối xử tối huệ quốc

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn, trong điều kiện tương tự, sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ Bên không ký kết nào liên quan đến thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác các khoản đầu tư trên lãnh thổ nước mình,

2. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho khoản đầu tư được bảo hộ, trong điều kiện tương tự, sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết đó của nhà đầu tư của bất kỳ Bên không ký kết nào liên quan đến thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác các khoản đầu tư.

3. Sự đối xử được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không bao gồm:

- (a) bất kỳ sự đối xử ưu đãi nào dành cho nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư của họ có được từ các hiệp định song phương, khu vực hoặc quốc tế hoặc bất kỳ hình thức hợp tác kinh tế hoặc hợp tác khu vực hiện hành nào của một Bên ký kết với một Bên không ký kết, và
- (b) Bất kỳ sự đối xử ưu đãi đang tồn tại hoặc trong tương lai dành cho nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư của họ trong các Hiệp định hoặc thỏa thuận giữa các quốc gia thành viên ASEAN.

4. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và 2, nếu một Bên ký kết dành sự đối xử thuận lợi hơn cho nhà đầu tư của một Bên không ký kết hoặc cho khoản đầu tư của họ theo bất kỳ hiệp định hoặc thỏa thuận nào trong tương lai mà Bên ký kết đó là thành viên, Bên ký kết đó không

⁴ Hiện diện thương mại có định nghĩa tương tự với định nghĩa tại Chương 8 (Thương mại Dịch vụ)

có nghĩa vụ phải dành sự đối xử tương tự cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia hoặc khoản đầu tư của họ. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, Bên ký kết đó sẽ dành cơ hội thỏa đáng để đàm phán về việc hưởng các lợi ích nêu trên.

Điều 9.5: Tiêu chuẩn đối xử⁵

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho khoản đầu tư được bảo hộ sự đối xử công bằng và bình đẳng và bảo hộ đầy đủ và an toàn theo luật tập quán quốc tế.

2. Khái niệm “đối xử công bằng và bình đẳng” và “bảo hộ đầy đủ và an toàn” tại Điều này không đòi hỏi sự đối xử nằm ngoài hoặc vượt quá sự đối xử theo các quy tắc của luật tập quán quốc tế, và không tạo ra các quyền bổ sung. Để rõ ràng hơn:

- (a) “đối xử công bằng và bình đẳng” bao gồm nghĩa vụ không từ chối công lý trong các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính phù hợp với trình tự thủ tục luật định; và
- (b) “bảo hộ đầy đủ và an toàn” đòi hỏi mỗi Bên ký kết cung cấp mức độ bảo vệ của cảnh sát liên quan đến an ninh vật chất của khoản đầu tư được bảo hộ theo yêu cầu của luật tập quán quốc tế.

3. Việc xác định rằng đã có vi phạm một quy định khác của Hiệp định này, hoặc của một hiệp định quốc tế khác, không được coi là cơ sở để xác định rằng đã có vi phạm Điều này.

Điều 9.6: Bồi thường thiệt hại

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia, và khoản đầu tư được bảo hộ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó, trong các điều kiện tương tự, dành cho nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của một Bên không ký kết liên quan đến các biện pháp mà Bên ký kết đó ban hành hoặc duy trì dẫn đến thiệt hại cho các khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết đó do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang hoặc bạo loạn, nổi loạn hoặc xung đột dân sự khác.

2. Mặc dù có quy định tại khoản 1, nếu nhà đầu tư của một Bên ký kết, trong trường hợp được quy định tại khoản 1, bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

- (a) bị quân đội hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó trưng dụng một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư; hoặc
- (b) bị quân đội hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó phá hủy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư, trong trường hợp không cần thiết,

Bên ký kết đó sẽ dành cho nhà đầu tư đó khoản đền bù, bồi thường hoặc cả hai nếu hợp lý, cho các thiệt hại đó. Việc bồi thường phải diễn ra nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả;

⁵ Điều này sẽ được giải thích phù hợp với Phụ lục 9-A

Điều 9.7: Tước quyền sở hữu và Bồi thường⁶

1. Các Bên ký kết sẽ không tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá một khoản đầu tư được bảo hộ, bất kể là trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua biện pháp tương đương với tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá (sau đây được gọi là “tước quyền sở hữu”), trừ trường hợp:

- (a) vì mục đích công cộng;
- (b) trên cơ sở không phân biệt đối xử ;
- (c) có đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả; và
- (d) phù hợp với thủ tục pháp luật.

2. Khoản bồi thường theo quy định tại khoản 1 (c) sẽ:

- (a) được trả không chậm trễ;
- (b) tương ứng với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước thời điểm khi việc tước quyền sở hữu xảy ra hoặc việc tước quyền sở hữu được công bố, tùy theo thời điểm nào được áp dụng;
- (c) không phản ánh sự thay đổi về giá trị do việc tước quyền sở hữu dự kiến đã bị tiết lộ trước đó; và
- (d) có tính thanh khoản đầy đủ và được tự do chuyển nhượng.

3. Tiền bồi thường nêu tại khoản 1(c) sẽ bao gồm tiền lãi tính theo lãi suất thương mại hợp lý của đồng tiền đó, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán. Tiền bồi thường, bao gồm cả tiền lãi, sẽ được trả bằng đồng tiền của Bên ký kết tước quyền sở hữu, hoặc nếu nhà đầu tư có yêu cầu, bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

4. Trường hợp nhà đầu tư yêu cầu trả tiền bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, tiền bồi thường nêu tại khoản 1(c), bao gồm cả tiền lãi, sẽ được chuyển thành đồng tiền thanh toán theo tỷ giá thị trường tại thời điểm trả tiền.

5. Mặc dù có quy định tại khoản 1 đến 4 Điều này, trong trường hợp Việt Nam là Bên ký kết tước quyền sở hữu, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai, theo định nghĩa tại văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực, sẽ được thực hiện theo mục đích và với việc thanh toán tiền bồi thường phù hợp với văn bản pháp luật đó. Việc bồi thường này sẽ tuân thủ bất kỳ sự sửa đổi nào đối với văn bản pháp luật nói trên liên quan đến số tiền bồi thường, khi sự sửa đổi đó phù hợp với xu hướng chung về giá thị trường của đất đai.

6. Điều này không áp dụng đối với việc cấp văn bằng bắt buộc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ hoặc rút, giới hạn hoặc tạo ra của quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với Hiệp định TRIPs.

⁶ Điều này được giải thích phù hợp với Phụ lục 9-B

Điều 9.8: Chuyển tiền⁷

1. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép thực hiện việc chuyển tiền liên quan đến các khoản đầu tư được bảo hộ được thực hiện một cách tự do, không chậm trễ vào và ra khỏi lãnh thổ nước mình. Việc chuyển tiền này bao gồm:

- (a) phần vốn góp ban đầu và các khoản thêm vào để duy trì hoặc phát triển khoản đầu tư;
- (b) lợi nhuận, cổ tức, thu nhập từ vốn, và tiền thu được từ việc bán toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư được bảo hộ hoặc thanh lý một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư được bảo hộ;
- (c) lợi nhuận, tiền bản quyền quyền sở hữu trí tuệ, phí quản lý và phí hỗ trợ kỹ thuật và các khoản phí khác;
- (d) các khoản tiền trả theo hợp đồng, bao gồm cả hợp đồng vay;
- (e) các khoản tiền trả theo Điều 9.6 và Điều 9.7; và
- (f) các khoản tiền phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép việc chuyển tiền liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi theo tỷ giá thị trường tại thời điểm chuyển tiền.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép chuyển lợi nhuận bằng hiện vật liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ đã được cho phép hoặc được nêu rõ trong thỏa thuận giữa một Bên ký kết và khoản đầu tư được bảo hộ hoặc nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

4. Mặc dù có quy định tại khoản 1 đến khoản 3, một Bên ký kết có thể ngăn cản việc chuyển tiền thông qua việc áp dụng một cách công bằng, không phân biệt đối xử và có thiện chí theo pháp luật của nước mình liên quan đến:

- (a) phá sản, vỡ nợ hoặc việc bảo vệ quyền của chủ nợ;
- (b) phát hành, buôn bán, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng tương lai, quyền mua cổ phần hoặc các công cụ phái sinh khác;
- (c) tội phạm hoặc vi phạm hình sự;
- (d) báo cáo tài chính hoặc việc lưu giữ sổ sách về chuyển tiền khi cần hỗ trợ cơ quan thực thi pháp luật hoặc cơ quan quản lý tài chính;
- (e) bảo đảm việc tuân thủ lệnh hoặc phán quyết trong quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính;
- (f) an sinh xã hội, chế độ hưu trí công, hoặc chương trình tiết kiệm bắt buộc;

⁷ Để rõ ràng hơn, Phụ lục 9-C sẽ được áp dụng đối với Điều này

- (g) trợ cấp thôi việc của người lao động; và
- (h) thuế.

Điều 9.9 : Các yêu cầu hoạt động

1. Không Bên ký kết nào được áp đặt hoặc thực thi bất kỳ một yêu cầu nào dưới đây liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán hoặc một hình thức chuyển nhượng đầu tư khác của nhà đầu tư của Bên ký kết hoặc Bên không ký kết:

- (a) đặt một mức hoặc một tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa;
- (b) mua, sử dụng, hoặc dành ưu tiên cho hàng hoá sản xuất trong lãnh thổ của mình, hoặc phải mua hàng hoá từ các thể nhân hoặc pháp nhân trong lãnh thổ của mình;
- (c) ràng buộc số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với đầu tư của nhà đầu tư đó;
- (d) hạn chế việc bán hàng trên lãnh thổ của mình mà do đầu tư của nhà đầu tư đó sản xuất hoặc cung ứng thông qua sự ràng buộc việc bán hàng đó với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc các khoản thu từ ngoại tệ;
- (e) xuất khẩu đạt một mức hoặc một tỷ lệ nhất định hàng hoá;
- (f) chuyển giao công nghệ đặc biệt, quy trình sản xuất, hoặc một kiến thức độc quyền khác cho một thể nhân hay pháp nhân trong lãnh thổ của mình; hoặc
- (g) cung cấp hàng hoá trên lãnh thổ của Bên ký kết do đầu tư sản xuất cho một thị trường khu vực cụ thể hoặc thế giới.

2. Khoản 1 sẽ không ngăn cản một Bên ký kết trong việc ban hành các điều kiện đối với việc nhận hoặc tiếp tục nhận các ưu đãi liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia hoặc của Bên không ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết đó phù hợp với các yêu cầu được quy định từ điểm 1 (e) đến 1 (g).

3. Để rõ ràng hơn, điểm 1 và 2 sẽ không áp dụng cho bất kỳ yêu cầu khác ngoài các yêu cầu quy định tại các khoản đó.

4. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu lực của bất kỳ cam kết, thoả thuận, hoặc yêu cầu giữa chủ thể tư.

5. Điều này không hạn chế các quyền và nghĩa vụ của các Bên ký kết theo Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO.

Điều 9.10 : Quản lý cao cấp và Hội đồng quản trị

1. Không Bên ký kết nào được yêu cầu doanh nghiệp của Bên ký kết đó là khoản đầu tư được bảo hộ phải chỉ định các chức danh quản lý cao cấp là thể nhân mang quốc tịch của một nước nhất định.

2. Một Bên ký kết có thể yêu cầu đa số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc bất kỳ uỷ ban nào của Hội đồng quản trị, của một doanh nghiệp của một Bên ký kết là khoản đầu tư được bảo hộ, mang một quốc tịch nhất định, hoặc cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết ban đầu, với điều kiện yêu cầu này không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng kiểm soát khoản đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 9.11 : Từ chối lợi ích

1. Một Bên ký kết có thể từ chối lợi ích của Chương này đối với nhà đầu tư của Bên ký kết kia là doanh nghiệp của Bên ký kết kia và đầu tư của nhà đầu tư đó nếu:

- (a) thể nhân của một Bên không ký kết sở hữu hoặc kiểm soát doanh nghiệp đó; và
- (b) Bên ký kết từ chối lợi ích ban hành hoặc duy trì các biện pháp liên quan đến Bên không ký kết hoặc thể nhân của Bên không ký kết mà các biện pháp này cấm giao dịch với doanh nghiệp đó hoặc các biện pháp đó có khả năng bị vi phạm hoặc tránh áp dụng nếu lợi ích của Chương này được dành cho doanh nghiệp và khoản đầu tư đó.

2. Một Bên ký kết có thể từ chối dành lợi ích của Chương này cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia là doanh nghiệp của Bên ký kết kia và khoản đầu tư của họ nếu doanh nghiệp đó không có hoạt động kinh doanh thực chất trên lãnh thổ của Bên ký kết đó và doanh nghiệp đó được sở hữu hoặc kiểm soát bởi thể nhân hoặc pháp nhân của một Bên không ký kết hoặc của Bên ký kết từ chối lợi ích. Trong chừng mực có thể, Bên ký kết từ chối lợi ích sẽ thông báo cho Bên ký kết kia trước khi từ chối lợi ích. Trường hợp Bên từ chối lợi ích thực hiện việc thông báo này, theo yêu cầu của Bên ký kết kia, Bên từ chối lợi ích sẽ tham vấn với Bên ký kết đó.

Điều 9.12 : Các biện pháp không tương thích

1. Điều 9.3, 9.4, 9.9 và 9.10 sẽ không áp dụng đối với:

- (a) bất kỳ biện pháp hiện hành được duy trì bởi một Bên ký kết tại:
 - (i) Chính quyền cấp trung ương, như được Bên ký kết đó nêu tại Danh mục bảo lưu của Phụ lục I của nước mình; hoặc
 - (ii) Chính quyền cấp địa phương;⁸
- (b) việc tiếp tục áp dụng hoặc áp dụng lại bất kỳ biện pháp không tương thích nêu tại điểm (a); hoặc

⁸ Đối với Hàn Quốc “chính quyền cấp địa phương” là chính quyền được định nghĩa trong Luật Chính quyền địa phương

- (c) việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nêu tại điểm (a), trong chừng mực việc sửa đổi đó không làm giảm mức độ tương thích của biện pháp đó với Điều 9.3, 9.4, 9.9, và 9.10 tại thời điểm Danh mục bảo lưu của Phụ lục I của Bên ký kết đó có hiệu lực.

2. Các Điều 9.3, 9.4, 9.9 và 9.10 không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào được một Bên ký kết ban hành hoặc duy trì liên quan đến các ngành, phân ngành, hoặc hoạt động nêu tại Danh mục bảo lưu của Phụ lục II của nước mình.

3. Đối với những biện pháp áp dụng sau ngày Hiệp định có hiệu lực quy định tại Danh mục bảo lưu của Phụ lục II, không Bên ký kết nào được yêu cầu nhà đầu tư của Bên ký kết kia vì lý do quốc tịch, phải bán hoặc bằng cách khác từ bỏ một khoản đầu tư tồn tại vào thời điểm biện pháp đó có hiệu lực.

4. Chương này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ theo các hiệp định quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà các Bên ký kết là thành viên, bao gồm Hiệp định TRIPS và các hiệp định khác trong khuôn khổ Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

5. Các Bên ký kết sẽ bắt đầu đàm phán Danh mục bảo lưu nêu tại Phụ lục I và II ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực để kết thúc trong vòng 1 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực:

- (a) Điều 9.3, 9.4, 9.9 và 9.10 sẽ không được áp dụng cho đến khi Danh mục bảo lưu của các Bên ký kết tại Phụ lục I và II có hiệu lực; và
- (b) Các Bên ký kết sẽ nỗ lực cao nhất để phản ánh mức độ tốt nhất của các cam kết tự do hóa trong các Danh mục tại các hiệp định đầu tư của mình tại thời điểm đàm phán để đảm bảo sự cân bằng chung về quyền lợi giữa các Bên ký kết.⁹

Điều 9.13 : Thủ tục đặc biệt và tiết lộ thông tin

1. Quy định tại Điều 9.3 không được hiểu là ngăn cản một Bên ký kết ban hành hoặc duy trì biện pháp quy định các thủ tục đặc biệt liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ, bao gồm việc khoản đầu tư được bảo hộ phải được thành lập hợp pháp theo pháp luật của Bên ký kết đó¹⁰, với điều kiện các thủ tục này không làm tổn hại đáng kể đến sự bảo hộ mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và khoản đầu tư được bảo hộ theo Chương này.

2. Mặc dù có quy định tại Điều 9.3 và 9.4, một Bên ký kết có thể yêu cầu nhà đầu tư của một Bên ký kết kia hoặc khoản đầu tư được bảo hộ cung cấp thông tin liên quan đến đầu tư chỉ nhằm mục đích thông tin hoặc thống kê. Bên ký kết đó sẽ bảo vệ để các thông tin bí mật không bị tiết lộ nếu việc tiết lộ các thông tin đó gây thiệt hại đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư và khoản đầu tư được bảo hộ. Khoản này không được hiểu là ngăn cản một Bên ký kết bằng cách khác thu thập hoặc tiết lộ thông tin thông qua việc áp dụng pháp luật nước mình một cách công bằng và có thiện chí.

⁹ Để rõ ràng hơn, việc đàm phán về Danh mục của Phụ lục I và II sẽ không ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh của Chương này và các đoạn từ 1 đến 4 của Điều này

¹⁰ Để rõ ràng hơn, đối với Việt Nam, yêu cầu này bao gồm yêu cầu mà khoản đầu tư bảo hộ phải được đăng ký theo pháp luật Việt Nam

Điều 9.14 : Thế quyền

1. Khi một Bên ký kết hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó dành một hợp đồng bảo hiểm hoặc bất kỳ hình thức bảo đảm tài chính nào khác đối với những rủi ro phi thương mại liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã thanh toán theo hợp đồng hoặc bảo đảm tài chính đó thì Bên ký kết sau sẽ công nhận quyền của Bên ký kết ban đầu hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết ban đầu theo nguyên tắc của thế quyền đối với quyền của nhà đầu tư.¹¹

2. Khi một Bên ký kết hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó trả tiền cho nhà đầu tư của Bên ký kết đó và đã tiếp nhận quyền và quyền đòi tiền của nhà đầu tư đó thì nhà đầu tư đó không được sử dụng các quyền và quyền đòi tiền để chống lại Bên ký kết kia, trừ trường hợp được Bên ký kết đó hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó ủy quyền.

Phần B : Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết

Điều 9.15 : Phạm vi giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết¹²

1. Phần này sẽ áp dụng đối với các tranh chấp đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của một Bên ký kết kia liên quan đến việc khởi kiện Bên ký kết ban đầu vi phạm nghĩa vụ theo Phần A, ngoại trừ Điều 9.11 đến Điều 9.14 và việc vi phạm nghĩa vụ này phải gây thiệt hại cho:

- (a) nhà đầu tư liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ; hoặc
- (b) khoản đầu tư được bảo hộ đã được thực hiện bởi nhà đầu tư đó,

liên quan đến việc quản lý, thực hiện, vận hành hoặc bán hoặc định đoạt theo cách khác khoản đầu tư được bảo hộ.

2. Thế nhân mang quốc tịch của một Bên ký kết không được khởi kiện chống lại Bên ký kết đó theo Chương này.

Điều 9.16 : Tham vấn và đàm phán

Trong trường hợp có tranh chấp đầu tư, nhà đầu tư tranh chấp và Bên ký kết tranh chấp sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn và đàm phán, việc tham vấn này có thể bao gồm thủ tục không ràng buộc, có sự tham gia của bên thứ ba. Việc tham vấn sẽ được tổ chức trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo ý định khởi kiện ra trọng tài, trừ khi các bên tranh chấp có thoả thuận khác.

Điều 9.17 : Thông báo ý định khởi kiện ra trọng tài

¹¹ Để rõ ràng hơn quyền hoặc quyền đòi tiền được thế quyền hoặc chuyển giao không được vượt quá các quyền hoặc quyền đòi tiền ban đầu của nhà đầu tư đó.

¹² Một khoản đầu tư không thể khởi kiện theo Phần này.

1. Nhà đầu tư tranh chấp phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết tranh chấp kia về ý định khởi kiện ra trọng tài (sau đây gọi là thông báo ý định khởi kiện) ít nhất 90 ngày trước ngày nộp đơn khởi kiện. Thông báo ý định khởi kiện này bao gồm những nội dung sau:

- (a) tên và địa chỉ của nhà đầu tư tranh chấp;
- (b) các điều khoản của Chương này được cho là bị vi phạm và bất cứ điều khoản có liên quan nào khác;
- (c) căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc khởi kiện, bao gồm các biện pháp đang tranh chấp; và
- (c) Biện pháp khắc phục và mức độ thiệt hại ước tính.

2. Nhà đầu tư tranh chấp phải gửi kèm theo Thông báo ý định khởi kiện, bằng chứng chứng minh nhà đầu tư tranh chấp là nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 9.18 : Điều kiện tiên quyết của việc nộp đơn khởi kiện ra trọng tài

1. Nhà đầu tư tranh chấp chỉ có thể nộp khiếu kiện lên trọng tài theo Điều 9.15 khi:

- (a) nhà đầu tư tranh chấp chấp thuận việc khởi kiện ra trọng tài phù hợp với thủ tục quy định của Chương này;
- (b) thời điểm nộp đơn xảy ra sau ít nhất 6 tháng kể từ khi phát sinh sự kiện gây tranh chấp ;
- (c) thời điểm nộp đơn xảy ra không quá 3 năm kể từ ngày nhà đầu tư có tranh chấp biết hoặc phải biết về việc vi phạm và về việc nhà đầu tư có tranh chấp bị thiệt hại phát sinh từ vi phạm đó;
- (d) nhà đầu tư tranh chấp đã gửi Thông báo ý định khởi kiện theo quy định tại Điều 9.17; và
- (e) nhà đầu tư tranh chấp và doanh nghiệp, trong trường hợp khiếu nại liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp của Bên ký kết kia mà doanh nghiệp đó là pháp nhân thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của nhà đầu tư có tranh chấp, từ bỏ quyền khởi kiện ra toà hành chính hoặc toà án theo luật pháp trong nước của bất kỳ Bên ký kết nào, hoặc các thủ tục giải quyết tranh chấp khác liên quan đến biện pháp của một Bên ký kết tranh chấp mà biện pháp đó bị coi là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 9.15, trừ các thủ tục về biện pháp khắc phục tạm thời, không liên quan đến việc thanh toán thiệt hại, trước toà hành chính hoặc toà án theo pháp luật trong nước của Bên ký kết tranh chấp.¹³

¹³ Để rõ ràng hơn, biện pháp khắc phục tạm thời chỉ được áp dụng chỉ khi hành động này được thực hiện nhằm mục đích duy nhất là để bảo lưu các quyền và lợi ích của nhà đầu tư có tranh chấp trong quá trình thành lập tòa trọng tài

2. Chấp thuận về việc khởi kiện ra trọng tài và văn bản từ bỏ quyền khởi kiện quy định tại Điều này sẽ được gửi cho Bên ký kết tranh chấp và được gửi kèm hồ sơ khởi kiện lên trọng tài.

3. Văn bản từ bỏ quyền khởi kiện của doanh nghiệp theo điểm 1(e) sẽ không là yêu cầu bắt buộc nếu Bên ký kết tranh chấp tước quyền kiểm soát doanh nghiệp của nhà đầu tư có tranh chấp.

4. Trong trường hợp các điều kiện quy định từ khoản 1 đến khoản 3 không được đáp ứng thì chấp thuận về việc khởi kiện của các Bên ký kết tại Điều 9.20 không có hiệu lực.

Điều 9.19 : Nộp đơn khởi kiện ra Trọng tài

1. Nhà đầu tư tranh chấp đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 9.18 có thể nộp đơn khởi kiện ra trọng tài:¹⁴

- (a) theo Công ước ICSID và Quy tắc ICSID về tố tụng trọng tài, với điều kiện cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước ICSID;
- (b) theo Quy tắc Phụ trợ ICSID, với điều kiện chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước ICSID;
- (c) theo Quy tắc Trọng tài UNCITRAL; hoặc
- (d) bất kỳ tổ chức trọng tài nào hoặc bất kỳ quy tắc trọng tài nào nếu các bên tranh chấp đồng ý.

2. Quy tắc trọng tài sẽ điều chỉnh quá trình trọng tài trừ các vấn đề đã được Phần này điều chỉnh.

3. Một khi nhà đầu tư đã đưa tranh chấp ra tòa án hoặc tòa hành chính của Bên ký kết tranh chấp hoặc bất kỳ cơ chế trọng tài nào quy định tại khoản 1 thì lựa chọn về cơ quan giải quyết tranh chấp đó là lựa chọn cuối cùng.

4. Đơn khởi kiện được coi là nộp ra trọng tài theo Phần này khi:

- (a) yêu cầu khởi kiện ra trọng tài theo khoản 1 Điều 36 của Công ước ICSID được Tổng thư ký chấp nhận.
- (b) thông báo về xét xử của trọng tài theo Điều 2 Phụ lục C của Quy tắc Phụ trợ ICSID được Tổng thư ký chấp nhận.
- (c) bên tranh chấp nhận được thông báo về xét xử của trọng tài theo quy tắc trọng tài UNCITRAL; hoặc
- (d) bên tranh chấp nhận được thông báo hoặc yêu cầu trọng tài xét xử theo bất kỳ tổ chức trọng tài hoặc bất kỳ quy tắc trọng tài nào được lựa chọn theo điểm 1 (d).

¹⁴ Để rõ ràng hơn, nhà đầu tư tranh chấp có thể đưa tranh chấp nêu tại Điều 9.15 ra tòa án hoặc tòa hành chính của Bên ký kết tranh chấp.

Điều 9.20 : Chấp thuận việc đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài

1. Mỗi Bên ký kết chấp thuận việc khởi kiện ra trọng tài phù hợp với các thủ tục quy định của Hiệp định này.
2. Chấp thuận theo khoản 1 và việc nộp đơn khởi kiện ra trọng tài của nhà đầu tư tranh chấp phải đáp ứng các yêu cầu của:
 - (a) Chương II của Công ước ICSID và Cơ chế phụ trợ ICSID về chấp thuận bằng văn bản của các bên tranh chấp; và
 - (b) Điều II của Công ước New York về thoả thuận bằng văn bản.

Điều 9.21 : Trọng tài viên

1. Trừ trường hợp Tòa trọng tài được thành lập theo Điều 9.22, và trừ khi các bên tranh chấp có thoả thuận khác, Tòa trọng tài sẽ bao gồm 3 trọng tài viên, mỗi bên tranh chấp chỉ định một trọng tài và trọng tài thứ ba là người chủ tọa do các bên tranh chấp thoả thuận chỉ định.
2. Trọng tài viên phải:
 - (a) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về công pháp quốc tế, thương mại quốc tế, hoặc các quy tắc đầu tư quốc tế, hoặc các biện pháp giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hiệp định đầu tư hoặc thương mại quốc tế; và
 - (b) Độc lập và không có mối liên hệ với hoặc chịu sự hướng dẫn từ bất kỳ Bên ký kết nào hoặc của nhà đầu tư tranh chấp.
3. Các bên tranh chấp sẽ thống nhất mức thù lao của các trọng tài viên. Trường hợp các bên tranh chấp không đạt được thoả thuận về mức thù lao trước khi Tòa trọng tài được thành lập, mức thù lao của trọng tài sẽ theo quy định của ICSID.
4. Ngoài trường hợp Tòa trọng tài được thành lập theo Điều 9.22, trường hợp các bên tranh chấp không thành lập được Tòa trọng tài trong vòng 90 ngày kể từ ngày tranh chấp được khởi kiện ra trọng tài, theo đề nghị của một trong các bên tranh chấp, Cơ quan có thẩm quyền chỉ định trọng tài sẽ chỉ định trọng tài viên hoặc các trọng tài viên mà chưa được các bên tranh chấp chỉ định. Chủ tọa không được mang quốc tịch của bất kỳ Bên ký kết nào.

Điều 9.22 : Hợp nhất vụ kiện

1. Trừ khi có các điều kiện khác quy định tại Phần này, Tòa trọng tài được thành lập theo Điều này sẽ được thành lập theo Quy tắc trọng tài UNCITRAL và hoạt động phù hợp với các quy tắc đó.
2. Nếu Tòa trọng tài thành lập theo Điều này cho rằng các khiếu kiện được đưa ra trọng tài theo Điều 9.19 có các vấn đề chung về cơ sở pháp lý và thực tiễn, trên cơ sở xem xét lợi ích công bằng và giải pháp hiệu quả đối với các vụ kiện, và sau khi nghe các bên tranh chấp trình

bày, Tòa trọng tài có thể quyết định:

- (a) Xác định Tòa trọng tài có thẩm quyền đối với các khiếu kiện đó, và xem xét và quyết định đồng thời toàn bộ hoặc một phần các vụ kiện.
- (b) Xác định Tòa trọng tài có thẩm quyền đối với các vụ kiện, xem xét và quyết định một hoặc nhiều hơn các vụ kiện mà Tòa trọng tài cho rằng quyết định đó có thể hỗ trợ để giải quyết các vụ kiện khác.

3. Một Bên ký kết tranh chấp muốn thực hiện thủ tục theo khoản 2 phải yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền chỉ định thành lập Tòa trọng tài và nêu rõ trong bản yêu cầu đó:

(a) Tên của các nhà đầu tư tranh chấp của các vụ kiện đang được đề nghị thực hiện theo thủ tục hợp nhất vụ kiện.

(b) Bản chất của thủ tục; và

(c) Căn cứ để áp dụng thủ tục đó.

4. Bên ký kết tranh chấp phải gửi một bản sao của yêu cầu đó đến nhà đầu tư tranh chấp trong vụ kiện đang được đề nghị thực hiện thủ tục này.

5. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Tổng thư ký thành lập Tòa trọng tài bao gồm 3 trọng tài viên do Tổng thư ký quyết định lựa chọn.

6. Trường hợp Tòa trọng tài được thành lập theo Điều này, nhà đầu tư tranh chấp đã nộp đơn khởi kiện ra trọng tài theo Điều 9.19 và chưa được nêu tên theo khoản 2 có thể nộp văn bản yêu cầu tới Tòa trọng tài để thông báo rằng nhà đầu tư đó thuộc trường hợp hợp nhất các vụ kiện theo khoản 2, và xác định các nội dung sau trong bản yêu cầu:

(a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư tranh chấp;

(b) Bản chất của thủ tục được áp dụng;

(c) Căn cứ để áp dụng thủ tục đó.

7. Tòa trọng tài thành lập theo Điều 9.19 không có thẩm quyền quyết định một vụ kiện, hoặc một phần của vụ kiện mà một Tòa trọng tài khác được thành lập phù hợp với Điều này đã xác định thẩm quyền đối với vụ kiện hoặc một phần vụ kiện đó.

Điều 9.23 : Tiến hành trọng tài

1. Theo đề nghị của Tòa trọng tài, bằng văn bản thông báo gửi tới các bên tranh chấp, Bên ký kết không tranh chấp có thể gửi bản đệ trình bằng văn bản hoặc bằng lời nói đến Tòa trọng tài về việc giải thích Hiệp định này. Theo đề nghị của một bên tranh chấp, Bên ký kết không tranh chấp phải nộp đệ trình bằng lời nói nêu trên dưới dạng văn bản.

2. Trừ trường hợp các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, Tòa trọng tài phải tổ chức phiên

xét xử trong lãnh thổ của một Bên ký kết là thành viên của Công ước New York, được lựa chọn phù hợp với:

- (a) Quy tắc phụ trợ ICSID, nếu việc xét xử được thực hiện theo các quy tắc này hoặc theo Công ước ICSID; hoặc
- (b) Quy tắc trọng tài UNCITRAL, nếu việc xét xử được thực hiện theo quy tắc này.

3. Trừ trường hợp các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, ngoài trụ sở của trọng tài, Tòa trọng tài có thể quyết định địa điểm của các cuộc họp và các phiên xét xử tại nơi khác địa điểm trọng tài. Trong trường hợp này, Tòa trọng tài sẽ xem xét sự thuận tiện cho các bên và trọng tài viên, địa điểm nơi xảy ra vụ việc, và gần nơi có chứng cứ.

4. Khi các vấn đề liên quan đến thẩm quyền hoặc khả năng thụ lý vụ kiện được đưa ra thành phần đối ban đầu, vào bất kỳ khi nào có thể, Tòa trọng tài sẽ quyết định các vấn đề đó trước khi tiến hành xem xét các vấn đề về nội dung. Các bên tranh chấp sẽ có cơ hội hợp lý để đưa ra quan điểm và bình luận của mình cho Tòa trọng tài. Nếu Tòa trọng tài quyết định rằng yêu cầu khởi kiện rõ ràng là không có cơ sở hoặc không thuộc thẩm quyền của Tòa trọng tài, Tòa trọng tài sẽ ra phán quyết theo nội dung đó.

5. Tòa trọng tài có thể, nếu có cơ sở, phán quyết cho bên thắng kiện được nhận số tiền tương ứng với chi phí hợp lý và các chi phí phát sinh khác từ việc nộp đơn phản đối hoặc phản bác đơn phản đối này. Để xác định xem có cơ sở để ra phán quyết loại này hay không, Tòa trọng tài sẽ xem xét liệu yêu cầu khởi kiện hoặc phản đối có thiếu căn cứ hoặc rõ ràng là không có cơ sở, và sẽ cho các bên tranh chấp cơ hội hợp lý để trình bày ý kiến.

6. Tòa trọng tài có thể ban hành các biện pháp bảo vệ tạm thời để bảo vệ quyền của một bên tranh chấp, hoặc để đảm bảo thẩm quyền của Tòa trọng tài được thực hiện hoàn toàn hiệu quả, bao gồm thủ tục để bảo vệ chứng cứ thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của một bên tranh chấp hoặc để bảo vệ thẩm quyền của Tòa trọng tài. Tòa trọng tài không được ra lệnh tịch thu tài sản hoặc cản trở việc áp dụng các biện pháp bị nghi ngờ vi phạm nêu tại Điều 9.15. Với mục đích của Điều này, lệnh bao gồm cả khuyến nghị.

7. Trừ trường hợp các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, ngôn ngữ của quá trình xét xử trọng tài, bao gồm điều trần, quyết định, và phán quyết, sẽ là:

- (a) Tiếng Việt Nam và tiếng Anh nếu Việt Nam là một Bên ký kết tranh chấp; và
- (b) Tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh nếu Hàn Quốc là một Bên ký kết tranh chấp.

Điều 9.24 : Giải thích chung

1. Giải thích của Ủy ban hỗn hợp về một quy định¹⁵ của Hiệp định này sẽ ràng buộc Tòa trọng tài thành lập theo Phần này và phán quyết theo Phần này sẽ phải phù hợp với giải thích đó.

2. Trường hợp Bên ký kết tranh chấp đưa ra một biện hộ rằng biện pháp bị nghi ngờ vi phạm thuộc phạm vi của một bảo lưu hay ngoại lệ được quy định tại Phụ lục I hoặc II, theo yêu

¹⁵ Để rõ ràng hơn, “quy định của Hiệp định này” bao gồm tất cả các Phụ lục của Hiệp định này.

cầu của Bên ký kết tranh chấp, Tòa trọng tài sẽ yêu cầu Ủy ban hỗn hợp giải thích nội dung đó. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi bản yêu cầu, Ủy ban hỗn hợp phải nộp văn bản giải thích của mình đến Tòa trọng tài. Giải thích đó sẽ ràng buộc Tòa trọng tài. Nếu trong vòng 60 ngày, Ủy ban hỗn hợp không nộp được giải thích đó, Tòa trọng tài sẽ quyết định nội dung đó.

Điều 9.25 : Phán quyết cuối cùng

1. Trường hợp Tòa trọng tài ra phán quyết cuối cùng chống lại một Bên ký kết tranh chấp, Tòa trọng tài có thể phán quyết riêng rẽ hoặc hỗn hợp chỉ gồm các nội dung sau:

- (a) thanh toán thiệt hại về tiền và tiền lãi nếu có; hoặc
- (b) khôi phục tài sản, trong trường hợp này phán quyết sẽ nêu rõ Bên ký kết tranh chấp có thể trả bồi thường thiệt hại bằng tiền và tiền lãi nếu có thay cho việc khôi phục tài sản.

Tòa trọng tài có thể phán quyết về các chi phí phù hợp với quy tắc trọng tài được áp dụng.

2. Tòa trọng tài không được yêu cầu một Bên ký kết tranh chấp phải trả các khoản thiệt hại có tính trừng phạt

Điều 9.26 : Tính chung thẩm của phán quyết và thực thi phán quyết

1. Phán quyết của Tòa trọng tài chỉ ràng buộc các bên tranh chấp và trong trường hợp cụ thể đó.

2. Phù hợp với khoản 3 và thủ tục xem xét áp dụng cho một phán quyết tạm thời, mỗi bên tranh chấp phải tôn trọng và tuân thủ phán quyết không chậm trễ.

3. Mỗi bên tranh chấp sẽ không yêu cầu thực thi phán quyết cuối cùng cho đến khi:

- (a) Trong trường hợp phán quyết cuối cùng theo Công ước ICSID:
 - (i) Hết thời hạn 120 ngày kể từ ngày ra phán quyết và không bên tranh chấp nào yêu cầu xem xét lại hoặc hủy bỏ phán quyết; hoặc
 - (ii) Việc xem xét lại hoặc hủy bỏ phán quyết đã hoàn tất; hoặc
- (b) Trong trường hợp phán quyết cuối cùng theo Quy tắc phụ trợ của ICSID hoặc Quy tắc trọng tài UNCITRAL:
 - (i) Hết thời hạn 90 ngày kể từ ngày ra phán quyết và không bên tranh chấp nào tiến hành thủ tục xem xét lại, đình chỉ, hoặc hủy bỏ phán quyết; hoặc
 - (ii) Một tòa án đã từ chối hoặc chấp nhận đơn yêu cầu xem xét lại, đình chỉ hoặc hủy bỏ phán quyết, và không có kháng cáo tiếp.

4. Mỗi Bên ký kết sẽ tổ chức thực thi phán quyết trên lãnh thổ nước mình.
5. Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư được thiết lập theo Phần này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên ký kết tại Chương 15 (Giải quyết tranh chấp).
6. Một bên tranh chấp có thể yêu cầu thực thi phán quyết trọng tài theo Công ước ICSID, hoặc Công ước New York.
7. Yêu cầu khởi kiện nộp đến trọng tài theo Phần này được coi là phát sinh từ một giao dịch hoặc quan hệ thương mại với mục đích tại Điều 1 của Công ước New York.

Điều 9.27 : Nơi nhận tài liệu

Các thông báo và tài liệu liên quan sẽ được chuyển đến mỗi Bên ký kết theo địa chỉ sau:

- (a) Về phía Việt Nam:
Bộ Tư pháp Việt Nam
60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam.
- (b) Về phía Hàn Quốc:
Phòng pháp luật quốc tế
Bộ Tư pháp
Tòa nhà #1 Government Complex-Gwacheon
47, Gwanmun-ro, Gwacheon-si, Gyeonggi-do
Hàn Quốc.

hoặc các cơ quan kế nhiệm tương ứng.

Phần C: Định nghĩa

Điều 9.28: Định nghĩa

Với mục đích của Chương này:

Cơ quan có thẩm quyền chỉ định là:

- (a) Tổng thư ký của ICSID trong trường hợp trọng tài hoặc hòa giải theo Quy tắc ICSID hoặc Quy tắc phụ trợ của ICSID tại điểm 1(a) và 1(b) của Điều 9.19,
- (c) Tổng thư ký của Tòa Trọng tài thường trực trong trường hợp trọng tài theo Quy tắc UNCITRAL tại điểm 1(c) Điều 9.19; hoặc
- (c) Bất kỳ người nào được các bên tranh chấp đồng ý.

khoản đầu tư được bảo hộ là, đối với một Bên ký kết, khoản đầu tư trên lãnh thổ của nước đó của nhà đầu tư của Bên ký kết kia đang tồn tại vào thời điểm Hiệp định này có

hiệu lực hoặc được thành lập, mua lại hoặc mở rộng sau đó, và được công nhận¹⁶ phù hợp với pháp luật của nước nơi đầu tư được thực hiện.

nhà đầu tư tranh chấp là nhà đầu tư khởi kiện theo Phần B;

các bên tranh chấp là nhà đầu tư tranh chấp và Bên ký kết tranh chấp;

Bên ký kết tranh chấp là một Bên ký kết bị khởi kiện theo Phần B;

bên tranh chấp là nhà đầu tư tranh chấp hoặc Bên ký kết tranh chấp;

doanh nghiệp là tổ chức được thành lập hoặc tổ chức phù hợp với pháp luật hiện hành, bất kể lợi nhuận hay phi lợi nhuận, và bất kể sở hữu hoặc kiểm soát bởi nhà nước hay tư nhân, bao gồm công ty, quỹ tín thác, hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, liên doanh, hiệp hội, và chi nhánh¹⁷ của doanh nghiệp;

doanh nghiệp của một Bên ký kết là doanh nghiệp được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật trong nước của một Bên ký kết, và chi nhánh¹⁸ trên lãnh thổ của một Bên ký kết và đang thực hiện các hoạt động kinh doanh ở đó;

đồng tiền tự do sử dụng là đồng tiền được Quỹ tiền tệ quốc tế xác định là đồng tiền tự do sử dụng theo Điều lệ của Quỹ này và các sửa đổi sau đó;

ICSID là Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) được thành lập theo Công ước ICSID;

Quy tắc phụ trợ của ICSID là Các quy tắc điều chỉnh cơ chế phụ trợ về tổ chức tố tụng của Ban thư ký Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư;

Công ước ICSID là Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và công dân của các quốc gia khác làm tại Oa-sinh-ton ngày 18 tháng 3 năm 1965;

đầu tư¹⁹ là mọi loại tài sản mà nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát, có đặc điểm của một khoản đầu tư, như cam kết về vốn hoặc các nguồn lực khác, kỳ vọng về thu nhập hoặc lợi nhuận, hoặc chấp nhận rủi ro. Đầu tư bao gồm nhưng không chỉ là:

- (a) doanh nghiệp;
- (b) cổ phiếu, cổ phần và bất kỳ hình thức tham gia góp vốn nào vào pháp nhân và các quyền phái sinh từ đó, bao gồm các tài sản hình thành trong tương lai và các quyền chọn mua, quyền chọn bán

¹⁶ Để rõ ràng hơn, trong trường hợp của Việt Nam, “đã được công nhận” nghĩa là “đã được đăng ký cụ thể hoặc được cho phép bằng văn bản, tùy từng trường hợp cụ thể”.

¹⁷ Để rõ ràng hơn, chi nhánh của một pháp nhân của Bên không ký kết sẽ không được coi là doanh nghiệp của một Bên ký kết.

¹⁸ Để rõ ràng hơn, chi nhánh trong định nghĩa này là chi nhánh của doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó. Chi nhánh của một pháp nhân của Bên không ký kết không được coi là doanh nghiệp của một Bên ký kết.

¹⁹ “Đầu tư” không bao gồm quyết định hoặc phán quyết được ban hành trong quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính

- (c) trái phiếu, giấy nhận nợ, các khoản vay và bất kỳ công cụ nợ nào khác²⁰ của doanh nghiệp bao gồm quyền phát sinh từ đó;
- (d) hợp đồng chia khóa trao tay, xây dựng, quản lý, sản xuất, nhượng quyền kinh doanh, phân chia sản phẩm, và các nhượng quyền kinh doanh khác²¹ theo quy định của pháp luật hoặc theo hợp đồng;
- (e) quyền sở hữu trí tuệ; và
- (f) tài sản vô hình hoặc hữu hình, động sản hoặc bất động sản, và các quyền liên quan đến tài sản, như cho thuê, thế chấp, cầm cố, và đặt cọc.

nhưng **đầu tư** không bao gồm quyền đòi tiền chỉ phát sinh từ:

- (g) hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ bởi thể nhân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của một Bên ký kết với thể nhân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.
- (h) việc cấp tín dụng liên quan đến một giao dịch thương mại, như tài chính thương mại.

nhà đầu tư của một Bên không ký kết là, đối với một Bên ký kết, là nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội đầu tư²², đang thực hiện hoặc đã thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết đó mà không phải là là đầu tư của một trong hai Bên ký kết.

nhà đầu tư của một Bên ký kết là thể nhân hoặc doanh nghiệp của một Bên ký kết, hoặc một Bên ký kết²³ đang tìm kiếm cơ hội đầu tư²⁴, đang thực hiện hoặc đã thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

thể nhân của một Bên ký kết nghĩa là bất kỳ thể nhân mang quốc tịch của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó.

Công ước New York là Công ước của Liên hợp quốc về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được ký tại New York ngày 10 tháng 6 năm 1958;

Bên ký kết không tranh chấp là Bên ký kết có nhà đầu tư tranh chấp;

²⁰ Một số hình thức vay nợ, như trái phiếu, giấy nhận nợ, và tín phiếu dài hạn là những hình thức thường được coi là có đặc điểm của một khoản đầu tư, trong khi các hình thức vay nợ khác ít được coi là có các đặc điểm của một khoản đầu tư.

²¹ Nhượng quyền kinh doanh có thể bao gồm quỹ đầu tư dành cho các dự án như Xây dựng-Kinh doanh và Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Kinh doanh và Sở hữu (BOO).

²² Để rõ ràng hơn, các Bên hiểu rằng một nhà đầu tư “đang tìm kiếm cơ hội đầu tư” là nhà đầu tư của một Bên không ký kết đã thực sự thực hiện các hoạt động cụ thể để bắt đầu quá trình thông báo hoặc phê duyệt để thực hiện đầu tư, tùy từng trường hợp cụ thể

²³ Để rõ ràng hơn, một Bên ký kết sẽ không theo đuổi vụ kiện chống lại Bên ký kết kia theo Phần B trong tất cả các trường hợp

²⁴ Để rõ ràng hơn, các Bên ký kết hiểu rằng nhà đầu tư “đang tìm kiếm cơ hội đầu tư” là nhà đầu tư của một Bên ký kết đã thực sự thực hiện các hoạt động cụ thể để bắt đầu quá trình thông báo hoặc phê duyệt để thực hiện đầu tư, tùy từng trường hợp cụ thể

thu nhập là khoản tiền thu được từ một khoản đầu tư, bao gồm nhưng không chỉ là lợi nhuận, cổ tức, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, tiền bản quyền sở hữu trí tuệ hoặc phí;

Tổng thư ký là Tổng thư ký của ICSID; và

Quy tắc trọng tài UNCITRAL là quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế được sửa đổi năm 2010²⁵.

²⁵ Để rõ ràng hơn, Quy tắc của UNCITRAL về minh bạch trong việc giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư dựa trên Hiệp định bằng thủ tục trọng tài không áp dụng đối với Chương này

PHỤ LỤC 9-A

LUẬT TẬP QUÁN QUỐC TẾ

Các Bên ký kết khẳng định quan điểm chung rằng “luật tập quán quốc tế” nói chung và như được đề cập cụ thể tại Điều 9.5 và Phụ lục 9-B là kết quả từ các hành vi thực tiễn phổ biến và nhất quán của các Nhà nước và được các Nhà nước tuân thủ như nghĩa vụ pháp lý bắt buộc. Liên quan đến Điều 9.5, quy tắc áp dụng của luật tập quán quốc tế dẫn chiếu đến tất cả các nguyên tắc của luật tập quán quốc tế bảo vệ quyền và lợi ích kinh tế của người nước ngoài.

PHỤ LỤC 9-B

TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU

Các Bên ký kết khẳng định quan điểm chung rằng:

- (a) Một hành động hoặc một loạt các hành động của một Bên ký kết sẽ không được coi là tước quyền sở hữu trừ khi hành động đó tác động đến quyền tài sản hữu hình hoặc vô hình trong một khoản đầu tư.
- (b) Khoản 1 Điều 9.7 đề cập đến hai trường hợp. Trường hợp đầu tiên là tước quyền sở hữu trực tiếp, khi một khoản đầu tư được bảo hộ bị quốc hữu hóa hoặc bị tước quyền sở hữu trực tiếp thông qua việc chuyển giao chính thức hoặc tước đoạt trắng trợn.
- (c) Trường hợp thứ hai được đề cập tại khoản 1 Điều 9.7 là tước quyền sở hữu gián tiếp, khi một hành động hoặc một loạt các hành động của một Bên ký kết có tác động tương đương với tước quyền sở hữu trực tiếp mà không có sự chuyển giao chính thức hoặc tước đoạt trắng trợn:
 - (i) Việc xác định một hành động hoặc một loạt các hành động của một Bên ký kết, trong một tình huống thực tế cụ thể, có cấu thành việc tước quyền sở hữu gián tiếp cần được điều tra trong từng trường hợp cụ thể, dựa trên thực tế trong đó cân nhắc đến các yếu tố có liên quan đến đầu tư đó, bao gồm:
 - (A) tác động kinh tế của các hành động của chính phủ, mặc dù trên thực tế nếu một hành động hoặc một loạt các hành động của một Bên ký kết có tác động tiêu cực đến giá trị kinh tế của một khoản đầu tư, thì riêng việc đó không đủ cơ sở để xác định rằng việc tước quyền sở hữu đã xảy ra;
 - (B) Phạm vi tác động của hành động của chính phủ đối với các kỳ vọng cụ thể, hợp lý xây dựng trên cơ sở đầu tư.
 - (C) Tính chất của hành động của chính phủ, bao gồm mục đích và hoàn cảnh của hành động đó.²⁶
 - (ii) Trừ các trường hợp đặc biệt, ví dụ, khi một hành động hoặc một loạt các hành động của Chính phủ rất nghiêm trọng và không phù hợp khi đối chiếu với mục đích hoặc kết quả của hành động đó, các hành vi chính sách trên cơ sở không phân biệt đối xử của một Bên ký kết được thiết lập và áp dụng để đạt được mục đích công cộng hợp pháp, như bảo vệ sức

²⁶ Để rõ ràng hơn, đối với Hàn Quốc, các vấn đề cần xem xét liên quan có thể bao gồm liệu hành vi của chính phủ có buộc nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư cụ thể phải có sự hy sinh đặc biệt vượt quá những gì mà nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư đó lẽ ra phải chịu để đạt được lợi ích công cộng.

khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường sẽ không được coi là tước quyền sở hữu gián tiếp.^{27 28}

²⁷ Để rõ ràng hơn, điểm này bao gồm quyền của Bên ký kết trong việc thực thi hành vi chính sách phù hợp với Hiến pháp của Bên đó

²⁸ Để rõ ràng hơn, danh mục “các mục đích công cộng hợp pháp” tại khoản này không phải là đầy đủ. Danh mục đó có thể bao gồm các biện pháp, ví dụ như bình ổn giá bất động sản (thông qua, ví dụ, các biện pháp để cải thiện điều kiện nhà ở cho người có thu nhập thấp).

PHỤ LỤC 9-C CHUYỂN TIỀN

1. Chương này và Chương 8 (Thương mại dịch vụ) không được hiểu là ngăn cản một Bên ký kết ban hành hay duy trì các biện pháp tự vệ tạm thời liên quan đến thanh toán và di chuyển vốn

- (a) trong trường hợp khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán hoặc khó khăn về tài chính đối ngoại hoặc có nguy cơ gặp phải khó khăn đó; hoặc
- (b) trong trường hợp đặc biệt, khi việc thanh toán và di chuyển vốn gây ra hoặc đe dọa gây ra bất ổn nghiêm trọng về kinh tế hoặc tài chính hoặc khó khăn nghiêm trọng đối với việc vận hành chính sách tiền tệ hoặc chính sách tỷ giá tại một trong hai Bên ký kết.

2. Các biện pháp được nêu tại khoản 1:

- (a) Phải được dỡ bỏ trong vòng 1 năm hoặc khi không còn các điều kiện là cơ sở của việc thiết lập hoặc duy trì các biện pháp đó;²⁹
- (b) Phải phù hợp với *Điều lệ của Hiệp định thành lập Quỹ tiền tệ quốc tế* (sau đây được gọi là “*Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế*”), và các sửa đổi;
- (c) Phải không vượt quá mức độ cần thiết để giải quyết tình trạng mô tả tại khoản 1;
- (d) Phải tránh các thiệt hại không cần thiết đối với lợi ích thương mại, kinh tế, hoặc tài chính của Bên ký kết kia;
- (e) Phải tạm thời và được dỡ bỏ dần dần khi tình trạng làm cơ sở để ban hành các biện pháp trên được cải thiện;
- (f) Phải được thông báo ngay lập tức cho Bên ký kết kia; và
- (g) Phải được áp dụng theo cách thức phù hợp với Điều 9.3 và 8.2 (Đối xử quốc gia) và Điều 9.4 và 8.3 (Đối xử tối huệ quốc) phù hợp với các Danh mục bảo lưu được nêu tại Phụ lục I và II³⁰ và Phụ lục 8-D (Danh mục các cam kết cụ thể)³¹.

²⁹ Để rõ ràng hơn, các biện pháp này có thể được kéo dài vượt quá thời hạn 1 năm nếu xảy ra các điều kiện là cơ sở áp dụng các biện pháp đó

³⁰ Khoản này không áp dụng cho đến khi Danh mục bảo lưu nêu tại Phụ lục I và II của các Bên có hiệu lực

³¹ Để rõ ràng hơn, các biện pháp nêu tại khoản 1 và thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này sẽ được áp dụng theo Điều 9.3 và 9.4 phù hợp với các Danh mục bảo lưu nêu tại Phụ lục I và II, và các biện pháp nêu tại khoản 1 và thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 8 sẽ được áp dụng theo Điều 8.2 và 8.3 phù hợp với các Danh mục bảo lưu nêu tại Phụ lục 8-D (Danh mục các cam kết cụ thể), một cách riêng rẽ.

3. Chương này và Chương 8 (Thương mại dịch vụ) không ảnh hưởng đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của một Bên ký kết với tư cách là thành viên của Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế, bao gồm việc sử dụng các hoạt động hối đoái phù hợp với Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế.